

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **1398**/2026/DS-ST
Ngày: 08/7/2026
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.
- Ông Phạm Văn Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1361/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1872/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2533/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên M.**

Địa chỉ: P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Thùy D**, sinh năm: 2000 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2025).

- Bị đơn: Ông **Lê Nam P**, sinh năm: 2001 (Vắng mặt);

Địa chỉ: T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2025, các bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M có người đại diện theo ủy quyền là bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 02/7/2024, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 5639029 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho ông Lê Nam P với khoản vay trị giá 26.925.000 đồng được giải ngân ngày 03/07/2024 với mức lãi suất 58%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Lê Nam P, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Lê Nam P. Theo HĐTD, ông Lê Nam P có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 35 tháng, kể từ ngày 25/7/2024 đến ngày 25/5/2027 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông Lê Nam P chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là: 6.420.984 đồng. Đến ngày 26/10/2024 ông Lê Nam P đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty đã giải ngân.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông Lê Nam P thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông Lê Nam P biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông Lê Nam P vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Lê Nam P vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Lê Nam P thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 08/5/2026 là 51.573.842 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.290.241 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 19.112.755 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 5.696.320 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 1.474.526 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Nam P phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 09/5/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Nam P đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Nam P vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M có người đại diện theo ủy quyền bà Lâm Thị Thùy Dương có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2026 là 54.203.228 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.290.241 đồng; số tiền lãi trong hạn: 19.808.868 đồng; số tiền lãi quá hạn: 7.311.028 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.793.091 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Nam P phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 09/7/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn ông Lê Nam P vắng mặt không có lý do.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Lê Nam P. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 3131/TAKV10 ngày 19/12/2025 của Công an phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Ông Lê Nam P, sinh năm: 2001, có đăng ký HKTT tại T, phường Ph, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương và chuyển về 2B K, ấp K, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh)” và Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh tại Công văn số 1910/TANDKV10 ngày 30/3/2026 của Công an xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh có nội dung: “Lê Nam P, sinh năm: 2001, không có đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hay thực tế cư trú tại ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh”. Tuy nhiên tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/7/2024 thể hiện địa chỉ của ông Lê Nam P là: “T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh”. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 và căn cứ khoản 3 Điều 5; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền bà Lâm Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Lê Nam P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả

của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Nam P phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 08/7/2026 là 54.203.228 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.290.241 đồng; số tiền lãi trong hạn: 19.808.868 đồng; số tiền lãi quá hạn: 7.311.028 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.793.091 đồng. Ngoài ra, công ty còn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Nam P phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 09/7/2026 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M phê duyệt ngày 02/7/2024 thì giữa ông Lê Nam P và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M có ký kết hợp đồng vay vốn tổng số tiền vay là 26.925.000 đồng trong đó khoản vay là 25.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 1.925.000 đồng; thời hạn vay: 35 tháng; lãi suất: 4.83%/tháng tương đương là 58%/năm với mục đích mua hàng. Công ty đã giải ngân vào tài khoản Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam của ông Lê Nam P vào ngày 03/7/2024.

Căn cứ Báo cáo thu hồi nợ vay Hợp đồng tín dụng do Công ty tài chính TNHH Một thành viên M cung cấp thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ ông P đã thanh toán trả góp cho công ty được 04 kỳ với tổng số tiền là 6.420.984 đồng (Trong đó: Gốc đã trả: 1.634.759 đồng; Lãi đã trả: 4.738.225 đồng; Phí thu hộ đã trả: 48.000 đồng). Kể từ ngày 26/10/2024 ông Lê Nam P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với công ty. Do ông Lê Nam P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và phải chịu lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả theo quy định Hợp đồng tín dụng mà ông Lê Nam P đã ký với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”* Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm”.*

Căn cứ vào Điều 7 của Bản Điều khoản và điều kiện thể hiện: *“MAFC có quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc mà Khách Hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được MAFC chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Khi đó, MAFC sẽ gửi thông báo cho Khách Hàng về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các cách thức được đề cập tại Điều 12 BDK&ĐK này. Trách nhiệm của Khách Hàng*

phát sinh từ việc chuyển nợ quá hạn không phụ thuộc vào việc thông báo của MAFC. Nội dung thông báo về việc chuyển nợ quá hạn căn cứ theo quy định pháp luật tại từng thời điểm”.

Xét thấy ông Lê Nam P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho công ty đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận được ký kết trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M khởi kiện yêu cầu ông Lê Nam P phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 25.290.241 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2026 là 28.912.987 đồng (số tiền lãi trong hạn: 19.808.868 đồng; số tiền lãi quá hạn: 7.311.028 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.793.091 đồng) và buộc ông Lê Nam P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ vào Mục 8.3 của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng thể hiện: “Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả được tính như sau:

- Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn sẽ được tính theo công thức sau: $150\% \times (\text{Lãi Suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn}) \times (\text{dư nợ gốc quá hạn}) \times (\text{số ngày trễ hạn}/365)$. Trong đó, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là $150\% \times (\text{Lãi Suất tại thời điểm chuyển nợ quá hạn})$, hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm.

- Tiền lãi chậm trả (tính trên dư nợ lãi bị chậm trả) sẽ được tính theo công thức sau: $10\% \times (\text{số dư lãi chậm trả}) \times (\text{số ngày trễ hạn}/365)$. Trong đó, lãi suất chậm trả (tính trên dư nợ lãi bị chậm trả) là $10\%/năm$ hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của MAFC theo từng thời điểm”.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M về việc buộc bị đơn ông Lê Nam P phải trả tiền lãi tạm tính đến ngày 08/7/2026 là 28.912.987 đồng (số tiền lãi trong hạn: 19.808.868 đồng; số tiền lãi quá hạn: 7.311.028 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.793.091 đồng) và buộc ông Lê Nam P phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M là có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Nam P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M đối với bị đơn ông Lê Nam P về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn ông Lê Nam P có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2026 là 54.203.228 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.290.241 đồng; số tiền lãi trong hạn: 19.808.868 đồng; số tiền lãi quá hạn: 7.311.028 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.793.091 đồng.

Các bên đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 09/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Nam P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.710.161 (hai triệu, bảy trăm mười nghìn, một trăm sáu mươi một) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 824.522 (tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi hai) đồng

theo biên lai thu số 0038088 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Thi hành án dân sự TPHCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền